

Bản án số: 265/2024/DS-ST
Ngày 28-8-2024
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Khiết

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Xuân Minh

Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thúy Vân - Thư ký Tòa án.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 357/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị M - Sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Mai Thanh T - Sinh năm 1965 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Lâm Thị M và quá trình tố tụng tại Tòa án bà M trình bày:

Bà M và ông T có mối quan hệ tình cảm nên vào khoảng tháng 8/2021 ông T có nhờ bà M hỏi dùm số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng sẽ trả lại, khi nhờ bà M vay tiền thì ông T có thể chấp 01 thẻ lương mang tên Mai Thanh T, lãi suất tự thỏa thuận, ông T đóng lãi đến tháng 11/2022 âm lịch thì từ đó đến nay không đóng lãi và cũng không trả vốn. Và cũng vào thời gian năm 2021 ông T có hỏi mượn của bà nhiều lần với tổng số tiền là 190.000.000 đồng, khi cho mượn bà không có làm biên nhận, từ khi cho ông T mượn tiền đến nay bà có đòi nhiều lần nhưng ông T không trả.

Nay bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án huyện Trần Văn Thời giải quyết buộc ông Mai Thanh T trả cho bà số tiền 270.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà **M** thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông **Mai Thanh T** trả cho bà **M** số tiền 70.000.000 đồng theo lời thừa nhận của ông **T** trong đoạn ghi âm mà bà đã cung cấp cho Tòa án.

Theo đơn phản tố của ông **Mai Thanh T** và quá trình tố tụng tại Tòa án ông **T** trình bày:

Ngày 20/9/2021 ông **T** có quen với bà **Lâm Thị M** làm nghề bán vé số và có người con đang học đại học tại thành phố Cần Thơ, ông **T** thấy hoàn cảnh của bà **M** khó khăn nên ông **T** có đưa cho bà **M** một thẻ tín dụng và tài khoản tại **Ngân hàng N chi nhánh huyện T, tỉnh Cà Mau**. Sau đó ông **T** và bà **M** có xảy ra mâu thuẫn do bà **M** có chồng nên ông **T** báo cho ngân hàng chặn lại không cho bà **M** rút tiền nữa. Thực tế ông **T** không có nhờ bà **M** vay tiền của ai và ông **T** cũng không có mượn tiền bà **M**.

Thời gian bà **M** giữ thẻ của ông **T** thì bà **M** rút tiền trong tài khoản của ông từ ngày 20/9/2021 đến ngày 20/01/2023 tổng số tiền 182.000.000 đồng, bà **M** có đưa lại cho ông **T** 60.000.000 đồng, nay ông yêu cầu bà **M** trả lại cho ông **T** số tiền 122.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ông **T** rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố đối với bà **Lâm Thị M**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn đòi lại số tiền 70.000.000 đồng và bị đơn có đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn trả cho bị đơn số tiền 122.000.000 đồng, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn có nơi cư trú tại **huyện T, tỉnh Cà Mau** nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn, thấy rằng:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền 270.000.000 đồng, tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện chỉ yêu cầu ông **T** trả cho bà số tiền 70.000.000 đồng, nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án đoạn băng ghi âm, tại phiên tòa bị đơn thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm là của bị đơn và bị đơn có thừa nhận trong đoạn băng ghi âm là có thiếu bà **M** 70.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà **M** số tiền này, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ông **Mai Than T2** xác định số tiền 70.000.000 đồng là tiền của ông do bà **M** rút từ thẻ ATM dùng để lĩnh lương của ông và đưa lại cho ông chi xài chứ ông không có mượn tiền của bà **M**. Tuy nhiên ông **T2** không có chứng cứ gì chứng

minh cho lời trình bày của mình tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của ông **T2** tại phiên tòa về nguồn gốc số tiền ông thừa nhận tại đoạn ghi âm mà bà **M** cung cấp cho Tòa án là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả cho bị đơn số tiền 122.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông **Mai Thanh T** rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố đối với Nguyên đơn. Nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của Bị đơn đối với Nguyên đơn.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông **Mai Thanh T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Phần tạm ứng án phí bà **M** đã nộp được nhận lại.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 200, khoản 1 Điều 228, Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 457 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Lâm Thị M**, buộc bị đơn ông **Mai Thanh T** trả cho bà **Lâm Thị M** số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của ông **Mai Thanh T** về việc yêu cầu bà **Lâm Thị M** trả cho ông **T** số tiền 122.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông **Mai Thanh T** phải chịu 3.500.000 đồng, đối trừ phần tạm ứng án phí ông **T** đã nộp 3.050.000 đồng theo biên lai thu số 0006924 ngày 21/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, ông **T** còn phải nộp tiếp số tiền 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

Bà **Lâm Thị M** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 6.750.000 đồng theo biên lai thu số 0006222 ngày 22/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày toà tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Khiết